

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 20/03/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Ông Nguyễn Văn Vy.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2017/TLST-DS ngày 10/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: đường L, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tú B (Theo Giấy ủy quyền số: 417B/2016/EIB/UQ-TGD ngày 26/7/2016).

Người được ủy quyền lại: Ông Hồ An B (Theo Giấy ủy quyền số: 143/2017/EIB/HUE/KHCN ngày 23/6/2017) – Có mặt.

Địa chỉ: đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc Nguyên H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường K, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A và anh Lê Ngọc Nguyên H đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 1604- LAV-201200578 ngày 02/10/2012, số tiền

vay là 82.000.000đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn trả nợ là 120 tháng, mỗi tháng trả 680.000 đồng, tháng cuối trả 1.080.000 đồng; lãi suất cho vay là 12,9%/năm tính trên dư nợ giảm dần. Lãi suất này được cố định trong thời gian 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng tín dụng có hiệu lực, sau mỗi tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo cơ chế: lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/năm (theo biểu lãi suất tiết kiệm công bố của Ngân hàng A tại thời điểm thay đổi); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

2. Hợp đồng tín dụng số: 1604-LAV-201300397 ngày 10/5/2013, số tiền vay là 40.000.000đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất cho vay là 8%/năm tính trên dư nợ giảm dần. Lãi suất này được cố định trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng tín dụng có hiệu lực, sau mỗi tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo cơ chế: lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/năm (theo biểu lãi suất tiết kiệm công bố của Ngân hàng A tại thời điểm thay đổi); Lãi suất quá hạn: 150%/năm; thời hạn 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay, mỗi tháng trả 333,333 đồng và kỳ cuối cùng trả 333,373 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số: 1604-LAV-201400401 ngày 22/4/2014, số tiền vay là 60.000.000đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày 22/4/2014 đến ngày 22/4/2024; Nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, mỗi kỳ trả 500.000đồng, kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 16/6/2014, kỳ cuối cùng là ngày 22/04/2024 phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay; lãi suất cho vay là 7%/năm, lãi suất này sẽ được cố định trong thời gian 06 tháng, sau thời gian này lãi suất sẽ được điều chỉnh theo cơ chế: lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng do Ngân hàng A Hội sở công bố (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Lê Ngọc Nguyên H đã trả được số tiền gốc là 59.293.320 đồng. Từ tháng 11/2016 đến nay anh Lê Ngọc Nguyên H liên tục vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Các khoản vay trên liên tục trễ hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng A đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng không liên hệ được với anh Lê Ngọc Nguyên H. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 23/6/2017 là 129.596.824 đồng, trong đó nợ gốc 122.706.680 đồng, nợ lãi 6.890.144 đồng và tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi anh Lê Ngọc Nguyên H trả xong nợ.

Phía bị đơn là anh Lê Ngọc Nguyên H trình bày: Giữa anh và Ngân hàng A có ký kết 03 hợp đồng tín dụng đúng như nguyên đơn trình bày.

Tính đến tháng 11/2016, anh Lê Ngọc Nguyên H đã trả được số tiền gốc là 59.293.320 đồng. Từ tháng 11/2016 đến nay do đang phải thi hành hình phạt tù nên anh Lê Ngọc Nguyên H liên tục vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Anh Lê Ngọc Nguyên H thừa nhận còn nợ của Ngân hàng A số tiền gốc 122.760.680 đồng và tiền lãi, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Anh Lê Ngọc Nguyên H sẽ thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng A khi có điều kiện kinh tế.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 81.134.433 đồng và đề nghị Tòa án đình chỉ về phần này. Phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2018 là 48.462.391 đồng (trong đó: tiền gốc là 24.511.456 đồng, tiền lãi là 22.680.029 đồng và lãi phạt là 1.270.906 đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với số tiền 81.134.433 đồng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải trả cho Ngân hàng A số tiền 48.462.391 đồng (trong đó: tiền gốc là 24.511.456 đồng, tiền lãi là 22.680.029 đồng và lãi phạt là 1.270.906 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Ngọc Nguyên H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Xét các Hợp đồng tín dụng số: 1604-LAV-201200578 ngày 02/10/2012; Hợp đồng tín dụng số: 1604-LAV-201300397 ngày 10/5/2013; Hợp đồng tín dụng số: 1604-LAV-201400401 ngày 22/4/2014 giữa Ngân hàng A và anh Lê Ngọc Nguyên H được hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức.

Anh Lê Ngọc Nguyên H cũng thừa nhận đã ký kết các hợp đồng tín dụng trên với Ngân hàng A, anh Lê Ngọc Nguyên H đã ký vào phần nhận nợ của khách hàng và hiện nay còn nợ của Ngân hàng A số tiền gốc là 122.760.680 đồng và tiền lãi, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng A yêu cầu anh Lê Ngọc Nguyên H phải thanh toán số tiền là 48.462.391 đồng (trong đó: tiền gốc là 24.511.456 đồng, tiền lãi là 22.680.029 đồng và lãi phạt là 1.270.906 đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải thanh toán số tiền gốc 122.760.680 đồng và tiền lãi, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 81.134.433 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 81.134.433 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Ngọc Nguyên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là: $48.462.391 \text{ đồng} \times 5\% = 2.423.120 \text{ đồng}$.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng A theo biên lai thu tiền số 003216 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Điều 466, 468 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 48.462.391 đồng (trong đó: tiền gốc là 24.511.456 đồng, tiền lãi là 22.680.029 đồng và lãi phạt là 1.270.906 đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với anh Lê Ngọc Nguyên H về số tiền 81.134.433 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

- Buộc anh Lê Ngọc Nguyên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $48.462.391 \text{ đồng} \times 5\% = 2.423.120 \text{ đồng}$.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng A theo biên lai thu tiền số 003216 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan